TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2017
Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Lý D, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số nhà 00 ấp C, xã T. T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Triệu Trường G, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số nhà 00 ấp H, xã V. H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 31/7/2017 (BL 01) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phan Thị Lý D trình bày:

Năm 2011, chị D kết hôn với anh Triệu Trường G và được Ủy ban nhân dân xã V. H cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/3/2012.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại số nhà 311 ấp H. K, xã V. H, thị xã Vĩnh Châu. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, vợ chồng có 01 con chung là Triệu Thị Quỳnh N (Nữ), sinh ngày 14/10/2012. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên tình cảm phai nhạt, không còn hạnh phúc nữa. Từ tháng 4/2017, chị D cùng cháu N trở về sống tại huyện Long Phú, anh G đã không còn quan tâm đến chị D và cháu N. Nay, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D với anh G tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do chị D giao nộp là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Triệu Thị Quỳnh N.

- Đối với bị đơn Triệu Trường G: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng anh G không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh G cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/8/2017, ngày 05/9/2017. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho anh G và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 22/9/2017, bị đơn G vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, nguyện vọng của các đương sự (BL 22, 26).

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Phan Thị Lý D được ly hôn với anh Triệu Trường G, giao cho chị D được trực tiếp nuôi con chung, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị D yêu cầu ly hôn với anh G, giải quyết quyền nuôi con chung. Yêu cầu của chị D được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Triệu Trường G đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu N cũng như việc không phản đối của anh G và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị D về việc kết hôn với anh G, được Ủy ban nhân dân xã V. H, thị xã Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/3/2012 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị D và anh G đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, từ tháng 4/2017 đến nay; dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội; chỉ vì mâu thuẫn nhưng chị D sống tại huyện Long Phú còn anh G thì sống tại thị xã Vĩnh Châu, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không biết được thông tin về tình trạng cuộc sống của nhau; không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, chị D và anh G đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị D được ly hôn với anh G.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án, cháu N chưa tròn 07 tuổi, liên tục sống cùng mẹ khoảng nửa năm nay, được học tập và phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần; như vậy, chị D đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh G, suốt thời gian chị D một mình nuôi con như trên, anh G đã không có sự quan tâm, nuôi dưỡng, chăm lo ở mức cần thiết đối với cháu N; anh G đã vi phạm nghĩa vụ và quyền của cha mẹ như quy định của điều luật vừa viện dẫn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt được tốt hơn và tránh sự xáo trộn nề nếp sinh hoạt, môi trường sống của cháu N thì cần căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu N; đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh G cấp dưỡng cho con.

Nguyên đơn tiếp tục khẳng định tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng, theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Lý D được ly hôn với anh Triệu Trường G.

2. Về quyền nuôi con chung:

Giao cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Triệu Thị Quỳnh N (Nữ), sinh ngày 14/10/2012.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị D, về việc không yêu cầu anh G cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian chị D nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu N, chị D có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh G có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này nếu có căn cứ hợp pháp, theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Lý D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0005622 ngày 03/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phan Thị Lý D có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Triệu Trường G có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã V. H;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG